

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung kinh phí hỗ trợ khắc phục
thiệt hại do thiên tai gây ra đối với sản xuất nông nghiệp
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Công văn số 9359/BTC-NSNN ngày 04/9/2024 của Bộ Tài chính về việc kinh phí khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra đối với sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định số 3994/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 về việc ban hành quy định chi tiết mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 4/10/2018 về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, khôi phục sản xuất, sửa

chữa, khắc phục các công trình nhằm ổn định đời sống nhân dân vùng bị thiệt hại do mưa lũ gây ra trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra đối với sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5086/TTr-STC ngày 05/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kinh phí hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra đối với sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022, với các nội dung chính như sau:

1. Tổng số tiền: 16.974.000.000 đồng (Mười sáu tỷ, chín trăm bảy mươi tư triệu đồng).

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

2. Nguồn kinh phí:

a) Từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung theo Công văn số 9359/BTC-NSNN ngày 04/9/2024 của Bộ Tài chính là 13.202 triệu đồng.

b) Từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2024 là 3.772 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác của số liệu, nội dung trình phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

2. Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Sở Tài chính thực hiện thông báo bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã để triển khai thực hiện theo quy định; định kỳ, tổng hợp chi từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh, báo cáo UBND tỉnh để báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. UBND các huyện: Thạch Thành, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Thọ Xuân, Như Thanh, Hà Trung, Yên Định; UBND thị xã Nghi Sơn, căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật và tình hình thực tế, tổ chức thực hiện tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan về tính chính xác của số liệu, tính pháp lý của hồ sơ cung cấp, các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo quy định; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, chế độ, chính sách của Nhà nước; thanh, quyết toán theo chế độ tài chính quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Thạch Thành, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Thọ Xuân, Như Thanh, Hà Trung, Yên Định; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC. (thht)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục

TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Địa phương	Kinh phí được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh										Nguồn kinh phí			Kinh phí bổ sung cho ngân sách huyện, thị xã
		Phân chia theo đợt mưa, bão					Phân chia theo đối tượng					Ngân sách trung ương hỗ trợ (70%)	Ngân sách tỉnh hỗ trợ (20%)	Ngân sách huyện đảm nhận (10%)	
		Mưa lớn kéo dài từ ngày 21/5-24/5/2022	Mưa lớn kéo dài từ ngày 11/7-15/7/2022	Bão số 2	Bão số 4	Tổng số	Giống cây trồng	Lâm nghiệp	Giống thủy, hải sản	Giống vật nuôi	Tổng số				
	Tổng số	13.178	143	1.164	4.375	18.860	9.360	55	8.793	652	18.860	13.202	3.772	1.886	16.974
1	Huyện Thạch Thành	303	-	1.164	191	1.658	1.460	-	198	-	1.658	1.160	332	166	1.492
2	Huyện Thiệu Hóa	6.999	143	-	-	7.142	3.477	-	3.149	516	7.142	5.000	1.428	714	6.428
3	Huyện Triệu Sơn	1.410	-	-	-	1.410	1.370	5	34	-	1.410	987	282	141	1.269
4	Huyện Thọ Xuân	3.448	-	-	2.227	5.675	2.058	-	3.512	104	5.675	3.972	1.135	567	5.107
5	Huyện Như Thanh	-	-	-	137	137	97	18	12	10	137	96	27	14	123
6	Huyện Hà Trung	62	-	-	-	62	62	-	-	-	62	43	12	6	56
7	Huyện Yên Định	957	-	-	1.525	2.482	664	-	1.818	-	2.482	1.738	496	248	2.234
8	Thị xã Nghi Sơn	-	-	-	295	295	171	32	70	22	295	206	59	29	265